

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 7 - 2025

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - PT**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tổng Thị H Vân.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – PT;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - PT, tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - PT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 về: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 20 tháng 6 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Lộc Nội, xã TX, huyện TH, tỉnh HT. Nay là xã TX, tỉnh HT.

* *Bị đơn:* Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu 4, xã ĐX, huyện TB, tỉnh PT. Nay là xã LM, tỉnh PT

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 04 tháng 4 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã ĐX, huyện TB, tỉnh PT. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại khu 4, xã ĐX, huyện TB, tỉnh PT. Quá trình chung sống, giữa chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, thường xuyên đánh vào tệ nạn xã hội và phải đi chấp hành án phạt tù do hành vi vi phạm pháp luật. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không về chung sống với nhau được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu: Bùi Hoài N, sinh ngày 08/9/2009. Hiện nay cháu N đang ở cùng cô họ của cháu N là chị Bùi Thị H, sinh năm 1987, đang tạm trú tại tổ Xuân Lộc, thị trấn XH, huyện H Q, tỉnh Cao Bằng. Sau ly hôn, chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh T có nguyện vọng nuôi con chung thì chị H cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến Hành tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết, không có bản trình bày ý kiến, vắng mặt tại tất cả các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

** Tòa án đã tiến Hành xác minh tại chính quyền địa phương và làm việc với anh Bùi Văn Đ là anh trai ruột của bị đơn anh Bùi Văn T đã xác định: Chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 04 tháng 4 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã ĐX, huyện TB, tỉnh PT. Sau khi kết hôn, chị H, anh T sinh sống tại khu 4, xã ĐX, huyện TB, tỉnh PT. Quá trình chung sống, giữa chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, thường xuyên đánh vào tệ nạn xã hội và phải đi chấp Hành án phạt tù do Hành vi vi phạm pháp luật. Nay chị H xin ly hôn và giải quyết về con chung, anh Đ được anh T cho biết quan điểm của anh T là: Anh T đã nắm bắt được T bộ nội dung vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị H và anh T; anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.*

** Tòa án đã tiến Hành ủy thác thu thập tài liệu chứng cứ, tại Biên bản ghi ý kiến của con chưa tHnh niên ngày 21/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện H Q, tỉnh Cao Bằng: Cháu Bùi Hoài N là con chung của chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn T có nguyện vọng được ở cùng với bố và ông bà nội.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - PT, tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp Hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp Hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là vắng mặt không có lý do; Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, tình tiết của vụ án, các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử:*

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H;

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn T.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Bùi Hoài N, sinh ngày 08/9/2009. Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị H không yêu cầu quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn T là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 4, xã ĐX, huyện TB, tỉnh PT. Nay là xã LM, tỉnh PT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT (cũ). Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - PT.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án không tiến Hành hoà giải nên vụ án không tiến Hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Bùi Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến Hành xét xử vắng mặt anh T, chị H là đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đăng ký kết hôn nhau ngày 04 tháng 4 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã ĐX, huyện TB, tỉnh PT, do vậy hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh T đánh vào tệ nạn xã hội, thường xuyên vi phạm pháp luật, cuộc sống không hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh T hiện nay đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau; không còn thực hiện nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ. Vì vậy, cần xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung:* Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Bùi Hoài N, sinh ngày 08/9/2009. Hiện nay cháu N đang sinh sống tại tổ Xuân Lộc, thị trấn Xuân Hòa, huyện H Q, tỉnh Cao Bằng (cũ) cùng với cô họ là chị Bùi Thị H.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Tòa án xác minh, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên vọng của cháu Bùi Hoài N là ở với anh Bùi Văn T. Nhưng bản thân anh Bùi Văn T có nhân thân rất xấu, đã có 04 lần bị kết án phạt tù về các tội “Trộm cắp tài sản”, “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”, “Trốn khỏi nơi giam”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 02 lần bị

áp dụng biện pháp xử lý Hình chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2022/HS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT, xác định anh Bùi Văn T là đối tượng nghiện ma túy đã bị bắt tạm giam nhưng do T bị HIV, sức khỏe yếu nên được trích xuất đưa đến điều trị tại Trung tâm Y tế huyện TB, sau đó đã bỏ trốn và phạm các tội về chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, tuy nguyện vọng của cháu Bùi Hoài N là ở với anh T, nhưng anh T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, có nhân thân rất xấu, không đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục T diện đối với con chung. Hơn nữa chị H có nguyện vọng được nuôi cháu N nên cần giao cháu Bùi Hoài N cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác:* Chị H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn T.

[3]. *Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bùi Hoài N, sinh ngày 08/9/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4]. *Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác*: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002011 ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh PT.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT;
- VKSND khu vực 3 - PT;
- Phòng THADS khu vực 3 - PT;
- Các đương sự;
- UBND xã LM;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyện